| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 127/2023/HC-PT
Ngày 09 tháng 3 năm 2023
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Hoà Hiệp

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 963/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai"*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:*

1.1. Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1970

1.2. Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: Số 164A HVT, phường 9, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2022).

*2. Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, xin xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Trịnh Văn Đ, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

- Ông Kiều Công M, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Văn Q, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lương Nguyễn Đằng D, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Bảo C, Trưởng phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai, xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T, Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất, có mặt.

*4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Ngọc A, Võ Thị Ngọc P - Là người khởi kiện.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Đơn khởi kiện và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Huỳnh Ngọc A, bà Võ Thị Ngọc P và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ông A có phần đất với diện tích 810,7m$^2$ có nguồn gốc của cụ bà Trịnh Thị H là là bà ngoại của ông A khai khẩn để trồng lúa nước từ trước năm 1975. Đến năm 1992 cụ Trịnh Thị Hia và các con đồng ý giao cho ông A sử dụng, ông A có nâng cấp mặt ruộng và cất nhà để ở đồng thời có trồng một số cây lâu năm. Quá trình sử dụng ông A có nộp thuế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2011 và xây dựng 03 căn nhà cấp 4 và một số công trình phụ trên đất gồm hàng rào, mái che, sân xi măng, chuồng gà.

Năm 1998, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (Viết tắt Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh) ban hành Quyết định số 74/QĐ-CT ngày 13/6/1998 về việc khoanh vùng bảo vệ di tích Thành Bảo Giang Long. Trong Quyết định có nghiêm cấm mọi hoạt động xây dựng, khai thác trong khu vực bảo vệ của di tích nhưng không ghi rõ diện tích cụ thể. Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện B (Viết tắt UBND huyện B) ban hành văn bản số 239/UBND ngày 19/5/2011 về việc trả lời bà Trịnh Thị H có nội dung: "Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì gia đình bà Trịnh Thị H đã sử dụng trên đất này từ trước năm 1975 đến nay…được nhà nước bồi thường về đất, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc trên đất theo quy định".

Đến năm 2020, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 2001/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thành Bảo Long Giang với diện tích 4.999,5m$^2$. Ngày 07/01/2021, ông A làm đơn xin cứu xét về việc được đền bù, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 31/3/2021, UBND huyện B có Công văn số 364/CV.UBND về việc không đồng ý đền bù, hỗ trợ nhà đất, công trình tài sản gắn trên đất cho ông A. Vì

vậy, ông A làm đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 về việc không chấp nhận khiếu nại của ông A.

Ngày 18/6/2021, UBND xã L lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất di tích Thành Bảo Long Giang. Ngày 26/7/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định hành chính số 2188/QĐ-KPHQ về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

Do đó, ông A, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ Công văn số 364/CV.UBND của UBND huyện B; Quyết định số 562/QĐ-UBND và Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND huyện B.

*- Tại văn bản số 804/IUBND ngày 31/5/2022 và Văn bản số 1205/UBND ngày 22/8/2022 người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyên Bến Cầu có ý kiến như sau:*

Phần đất của gia đình ông A có diện tích 810,7m$^2$ thuộc bờ Thành Bảo Long Giang thuộc xã L huyện B, tỉnh Tây Ninh. Ông A không có giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp. Việc ông A khai rằng phần đất ông đang sử dụng có nguồn gốc do ông A mua lại của bà ngoại ông tên Trịnh Thị H nhưng ông A không chứng minh được phần đất ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên thực tế ông A sử dụng đất từ năm 1997 đến năm 2007 UBND xã L có lập biên bản về việc ông A không được xây dựng nhà kiên cố bởi vì phần đất của ông A đang sử dụng thuộc đất di tích Thành Bảo Long Giang. Ông A yêu cầu được bồi thường đất, hỗ trợ hoa màu, vật kiến trúc trên dất cho gia đình theo quy định tại mục 4 Điều 1 của Quyết định 2001/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 là không có cơ sở.

Do đó Chủ tịch UBND huyện B ban hành Công văn số 364 và Quyết định số 562 giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu của ông A là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2021, UBND xã L lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất di tích Thành Bảo Long Giang. Đến ngày 25/7/2022 UBND xã L có tờ trình số 39/TTr-UBND về việc đề nghị UBND huyện B ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông A. Ngày 26/7/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ buộc ông A thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và ngày 03/8/2022 gửi Quyết định cho ông A qua đường Bưu Điện và ông A đã nhận được Quyết định vào ngày 04/8/2022.

Như vậy việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ buộc ông A thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật.

*- Tại Công văn số 1863/UBND-TD ngày 14/6/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có ý kiến:* Ngày 11/9/2001, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2001/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thành Bảo Long Giang đảm bảo đúng quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH13 và các quy định của pháp luật có liên quan.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

- Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 5, 99, 101 của Luật Đất Đai năm 2013; khoản 8 Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc P về việc yêu cầu huỷ Công văn số 364/UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B; Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/9/2022, người khởi kiện ông Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà P: Huỷ Công văn số 364/UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B; Quyết định số: 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của UBND huyện B buộc ông A thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 31/01/2023, Ông Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc P có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

Ngày 16/02/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông A và bà P giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà P tuyên huỷ Công văn số 364/UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B; Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện có ý kiến: Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch UBND huyện bến Cầu bảo lưu ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Tây Ninh vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của UBND tỉnh Tây Ninh có ý kiến: bảo lưu ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông A và bà P làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Ông A khai nguồn gốc đất là do chuyển nhượng của bà Trịnh Thị H. Nhưng qua xác minh đo đạc xác định phần đất của bà Trịnh Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.009m$^2$, vị trí đất của bà Trịnh Thị H năm ở hướng đông, trong khi phần đất của ông A năm ở hướng tây của tỉnh lộ. Đồng thời năm 2007, UBND xã L lập biên bản xác định phần đất ông A đang sử dụng thuộc đất di tích Thành Bảo Long Giang. Do đó đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông A và bà P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện Huỳnh Ngọc A, Võ Thị Ngọc P làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch UBND huyện B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Tây Ninh có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Người khởi kiện Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ Công văn số 364/UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B; Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 3, 30, 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của Công văn số: 364/UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B; Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B:

Ngày 13/6/1998, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 74/QĐ-CT về việc khoanh vùng bảo vệ di tích Thành Bảo Giang Long. Ngày 18/01/2007, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc

phê duyệt Đề án phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Trong đó UBND huyện B trực tiếp quản lý di tích lịch sử văn hóa đã xếp hạng cấp tỉnh "Thành Bảo Long Giang". Ngày 17/8/2007 UBND xã L lập biên bản trao đổi về việc ông Huỳnh Ngọc A không thể xây dựng nhà kiên cố vì đất của ông A ở hiện nay thuộc phần đất khu di tích Thành Bảo (Bút lục số 93).

Ngày 12/3/2020 UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND về việc ban hành đề án tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2020 và giai đoạn năm 2021-2025. Ngày 11/9/2020 UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số: 2001/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thành Bảo Long Giang với diện tích 4.999,5m$^2$ trong đó có bao gồm 810,7m$^2$ đất của ông A.

Người khởi kiện ông A khai gia đình ông sử dụng diện tích 810,7m$^2$ từ năm 1992 có nguồn gốc do bà ngoại của ông là cụ Trịnh Thị Hia và các con đồng ý giao cho ông A sử dụng. Sau đó ông A có nâng cấp mặt ruộng để xây dựng 03 căn nhà cấp 4 và một số công trình phụ trên đất gồm: Hàng rào, mái che, sân xi măng, chuồng gà và trồng cây trên đất và sử dụng cho đến nay. ông A có cung cấp giấy tay *"bán đất vĩnh viễn của cụ Trịnh Thị H"* (Bút lục số 162).

Người bị kiện UBND huyện B thì cho rằng phần đất của gia đình ông A đang sử dụng có diện tích 810,7m$^2$ thuộc bờ Thành Bảo Long Giang thuộc xã L huyện B, tỉnh Tây Ninh. Việc ông A khai rằng phần đất ông đang sử dụng có nguồn gốc do ông A mua lại của bà ngoại ông tên Trịnh Thị H nhưng ông A không chứng minh được phần đất ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên tại Công văn số 239/UBND ngày 19/5/2011 UBND huyện B về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị H có nội dung: *"Vị trí đất thuộc ấp Bảo, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Toàn bộ diện tích 2.509m$^2$ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích còn lại 767,0m$^2$ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Trịnh Thị H đã cho con cháu của bà gồm: Huỳnh Minh Chí, Trần Thị Nhuận, Trần Thị Hiếu, Huỳnh Ngọc A...về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì gia đình bà Trịnh Thị H đã sử dụng trên đất này từ trước năm 1975 đến nay...được nhà nước bồi thường về đất, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc trên đất theo quy định*". Cũng tại Công văn số 239/UBND của UBND huyện B có nêu: "*…xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì gia đình bà Trịnh Thị H sử dụng trên đất này từ trước năm 1975 đến nay. Trong phần đất nằm trong quy hoạch khi nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 786 hiện trạng hiện nay là hoa màu, cây trái và vật kiến trúc trên đất. Hơn nữa bà Trịnh Thị H có kê khai đăng ký trong sổ mục kê, sổ địa chính xã L. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành khi nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 786 bà và các con cháu của bà được Nhà nước bồi thường về đất, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc trên đất theo quy định*". (Bút lục số 238).

Đồng thời tại biên bản ngày 30/7/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đã xác định: Ông A đang sử dụng thửa đất 247 và một phần thửa 248 tờ bản đồ số 24 xã L, đối chiếu với bản đồ số 06 tương ứng với một phần thửa đất số 3708 và 3502. Qua kiểm tra sổ mục kê năm 1985 thể hiện thửa 3502, tên chủ sử dụng ruộng đất Trịnh Thị H, loại ruộng đất "mùa"; sổ mục kê Quyển số: 002 do

Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ký ngày 18/9/2008 thể hiện tên người sử dụng quản lý "để trống" (Bút lục số 155). Tại các biên bản xác minh đất Thành Bảo thể hiện: Trước năm 1992 đất Thành Bảo không sử dụng, năm 1992 ông A có cất cái chòi nhỏ và quầy thuốc tây trên đất Thành Bảo, …đến năm 1993-1994 ông A xây dựng nhà trên đất Thành Bảo…. đến năm 1996 thì nhà ông A hoàn thành (Bút lục 143- 147).

Như vậy có căn cứ xác định ông A sử dụng đất có nguồn gốc cụ Trịnh Thị H đứng tên kê khai trong sổ mục kê, ông A trực tiếp quản lý sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1992. Quá trình sử dụng đất ông A đã cất nhà và xây dựng công trình phụ trên đất không bị xử phạt hành chính; từ năm 1997 đến năm 2011 ông A có nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".*

Khoản 2 Điều 20 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất…".*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Đối với đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (ngày Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành) có nguồn gốc không phải là đất do được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, đất do được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 và Điều 102 của Luật Đất đai thì được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai";*

Đối chiếu với quy định trên, xét thấy việc UBND huyện B ban hành Công văn số: 364/CV.UBND ngày 31/3/2021 về việc trả lời không chấp nhận yêu cầu của ông A yêu cầu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần đất mà gia đình ông đang ở khi thực hiện quy hoạch, tôn tạo khu di tích Thành Bảo Long Giang là chưa đủ căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của gia đình ông A.

Ông A khiếu nại Công văn số 364/CV.UBND và Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số: 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 không chấp nhận khiếu nại của ông A là chưa có căn cứ.

[4] Xét Quyết định số: 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả":

Ngày 18/6/2021 UBND xã L căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ Bình An lập ngày 11/9/2019 đã lập biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC về việc chiếm đất di tích Thành Bảo Long Giang đối với ông Huỳnh Ngọc A do ông A có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất phi nông nghiệp, đất có di tích lịch sử văn hóa (đất di tích Thành Bảo Long Giang do UBND xã quản lý) tại khu vực nông thôn với diện tích 810,7m$^2$ thuộc thửa 247 và 248 tại ấp Bảo, xã L, huyện B theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP Ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tuy nhiên trên thực tế gia đình ông A sử dụng đất từ năm 1992, đến ngày 13/6/1998 Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh mới ban hành Quyết định số: 74/QĐ-CT Ngày 13/6/1998 về việc khoanh vùng bảo vệ di tích Thành Bảo Long Giang nhưng không xác định diện tích cụ thể và ngày 17/8/2007 UBND xã L lập biên bản trao đổi về việc ông Huỳnh Ngọc A không thể xây dựng nhà kiên cố vì đất của ông A ở hiện nay thuộc phần đất khu di tích Thành Bảo Long giang (Bút lục số 93).

Đến ngày 12/3/2020 UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số: 480/QĐ-UBND về việc ban hành đề án tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2020 và giai đoạn năm 2021-2025. Ngày 11/9/2020, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 2001/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thành Bảo Long Giang với diện tích 4.999,5m$^2$ trong đó có bao gồm 810,7m$^2$ đất của ông A.

Tại Biên bản kiểm đếm hiện trạng ngày 04/6/2020 và biên bản kiểm đếm hiện trạng ngày 06/01/2021 đã xác định: Gia đình ông A xây dựng nhà cấp 4 kết cấu móng BTCT nền gạch + xi măng, mái tonle, tường gạch tô xi măng, năm xây dựng: Năm 1992 các công tình phụ gồm mái che, giếng khoan sân xi măng và cây trồng trên đất (Bút lục số 38-40).

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện B cũng xác định từ khi xã L lập biên bản làm việc với ông A vào ngày 17/8/2007 thì gia đình ông A không có xây dựng gì thêm trên đất.

Do đó ngày 26/7/2021 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số: 2188/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Ngọc A do ông A đã có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hậu quả do vi phạm hành chính gây ra cần khắc phục là: Buộc ông A tháo dỡ nhà ở, công trình xây dựng trên đất và khôi phục lại tình trạng ban đầu 810,7m$^2$ đất và trả lại 810,7m$^2$ đất đã lấn chiếm là chưa đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của ông A, bà P yêu cầu công nhận cho gia đình ông được quyền sử dụng diện tích đất 810,7m$^2$ do gia đình ông đang quản lý sử dụng ôrn định, liên tục từ năm 1992 đến nay. Xét yêu cầu này của ông A chưa được UBND huyện Bến giải quyết nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án về giải quyết khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Do đó không chấp nhận yêu cầu của ông A, bà P do ông Hưng làm đại diện yêu cầu công nhận cho gia đình ông A được quyền sử dụng diện tích đất 810,7m$^2$ đất.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo ông A, bà P, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà P: Hủy Công văn số 364/CV.UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B về việc trả lời đơn xin cứu xét của ông Huỳnh Ngọc A; Hủy Quyết định số: 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Ngọc A (lần đầu) và hủy Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" là có căn cứ. Buộc UBND huyện B có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định trên.

[7] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông A đối với Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" đã được xem xét giải quyết, nên căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn. Do đó, huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính được xác định lại:

- Yêu cầu khởi kiện của ông A, bà P được chấp nhận nên Chủ tịch UBND huyện B và UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật tố tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc P.

2. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Các Điều 5, 99, 101 của Luật Đất Đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc P:

Hủy Công văn số 364/CV.UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện B về việc trả lời đơn xin cứu xét của ông Huỳnh Ngọc A; hủy Quyết định số: 562/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Ngọc A (lần đầu) và hủy Quyết định số 2188/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2022 của UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh về việc "Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

- Buộc UBND huyện B có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm.

- Ủy ban nhân dân huyện B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc A số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nộp tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000336 ngày 08/8/2022 của Cục Thi hành án tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông A, bà P mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000374 ngày 27/9/2022 và biên lai thu số 0000483 ngày 14/12/2022 của Cục Thi hành án tỉnh Tây Ninh.

5. Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**